| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN LIÊN CHIỂU -TP. ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **39** /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp
về con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP. ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Thái
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Bình
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên toà:*** Ông Đỗ Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bích N**, sinh năm 1982; địa chỉ: G T, phường H, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng. *Vắng mặt*

- Bị đơn: Ông **Trần Minh L**, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ E, phường H, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng. *Vắng mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Bích N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh L xây dựng gia đình vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H (Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2006 ngày 12/4/2006). Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ E, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu sau khi kết

hôn đời sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên dần dần giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không ai chịu lắng nghe ai. Cả hai đã cố gắng để hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn càng trở nên gay gắt. Hiện tại cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay bà Trần Thị Bích N xác định vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Minh L.

- Về con chung: Bà Trần Thị Bích N xác định bà và ông Trần Minh L có hai con chung là Trần Minh P, sinh ngày 08/6/2007 và Trần Minh P1, sinh ngày 28/11/2009. Ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Bích N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Trần Minh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Trần Minh L quá trình tố tụng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến phản hồi là đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với quan hệ hôn nhân: qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Bích N và ông Trần Minh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung: đề nghị căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Minh P1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Trần Minh P, tại thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên không đề cập đến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn là bà Trần Thị Bích N khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn đối với bị đơn là ông Trần Minh L có địa chỉ cư trú tại tổ E, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Trần Thị Bích N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Trần Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích N và ông Trần Minh L tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy hôn nhân của ông bà hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Trần Minh L, còn ông Trần Minh L không có ý kiến phản hồi. Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Để duy trì đời sống hôn nhân, việc vợ chồng sống chung với nhau và yêu thương quan tâm nhau vừa là quyền lợi nhưng cũng đồng thời là nghĩa vụ mà Luật hôn nhân và gia đình quy định. Tuy nhiên theo bà N trình bày thì bà và ông L đã tự động sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Lời trình bày này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương là hiện tại bà N và ông L không còn sống chung với nhau. Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu giải quyết vụ án, ông L vắng mặt không có lý do, không tham gia các buổi hòa giải, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều đó chứng tỏ ông L không có thiện chí trong việc khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Do vậy, việc bà Trần Thị Bích N cho rằng đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh L là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Bích N xác định bà và ông Trần Minh L có hai con chung là Trần Minh P, sinh ngày 08/6/2007 và Trần Minh P1, sinh ngày 28/11/2009. Tại đơn khởi kiện và bản trình bày, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung khi ly hôn, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà Trần Thị Bích N thì thấy: đối với cháu Trần Minh P, sinh ngày 08/6/2007, đến thời điểm xét xử hôm nay cháu P đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng. Đối với cháu Trần Minh P1, sinh ngày

28/11/2009 chưa thành niên và hiện tại đang sinh sống cùng bà N, do vậy nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1 của bà N là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do bà N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Bích N xác định không yêu cầu tòa án giải quyết, còn ông Trần Minh L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Bích N phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của bà Trần Thị Bích N đối với ông Trần Minh L.

***Tuyên xử:***

**1.** Về quan hệ hôn nhân: cho bà Trần Thị Bích N ly hôn với ông Trần Minh L.

**2.** Về con chung: Giao cháu Trần Minh P1, sinh ngày 28/11/2009 cho bà Trần Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; ông Trần Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con; các bên vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Trần Minh P, sinh ngày 08/6/2007 đã thành niên nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Bích N không yêu cầu giải quyết. Ông Trần Minh L không có ý kiến.

**4.** Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị Bích N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu số 0007358 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**5.** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS;
- UBND xã H;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**DƯƠNG THỊ THÁI**